



Chào mừng đến với Học khu Edmonds. Chúng tôi hiện đang chấp nhận gói ghi danh học sinh mới cho năm học 2023-24. Vui lòng hoàn thành gói ghi danh này và trả lại trường học của con bạn với bất kỳ giấy tờ cần thiết bổ sung nào. Nếu bạn đăng ký học trực tuyến cho học sinh của mình bằng Skyward, vui lòng không hoàn thành gói ghi danh này. Chúng tôi rất mong được làm việc với bạn và con bạn.

Bước 1: Hoàn thành các biểu mẫu bắt buộc sau

- ☐ P-134 Mẫu ghi danh học sinh
- ☐ P-135 Mẫu xác minh cư trú của học sinh và đính kèm bằng chứng cư trú

Nếu bạn không thể cung cấp bằng chứng cư trú, hãy hoàn thành một trong những tài liệu này và đính kèm vào biểu mẫu này.

- P-160 Bảng câu hỏi về nhà ở cho học sinh (Điều kiện của Đạo luật McKinney -Vento)
- P-110 Bản tuyên thệ về cư trú (liên hệ với trường của bạn)

- ☐ HS-534 Mẫu đăng ký sức khỏe học sinh

- ☐ HS-518 Hồ sơ tiêm chủng tải xuống từ MyIR
 - Vui lòng đọc các hướng dẫn về thư xin việc của mẫu HS581.

Các gia đình đủ điều kiện được khuyến khích đăng ký Chương Trình Bữa Ăn Miễn Phí và Giảm Giá. Quy trình đăng ký rất đơn giản và được giữ bí mật. Đơn đăng ký có sẵn tại liên kết dưới đây, Skyward Family Access hoặc tại bất kỳ trường học nào.

- ☐ Đăng ký Bữa Trưa Miễn Phí và Giảm Giá (nếu đủ điều kiện) - thông tin có thể tìm thấy tại <https://www.edmonds.wednet.edu/our-district/departments/food-nutrition-services>

Xếp Lớp			
Tiểu học		Trung học	
Mẫu giáo	1/9/2017 đến 31/8/2018	Lớp 7	9/1/2010 đến 8/31/2011
Lớp 1	9/1/2016 đến 8/31/2017	Lớp 8	9/1/2009 đến 8/31/2010
Lớp 2	9/1/2015 đến 8/31/2016	Lớp 9	9/1/2008 đến 8/31/2009
Lớp 3	9/1/2014 đến 8/31/2015	Lớp 10	9/1/2007 đến 8/31/2008
Lớp 4	9/1/2013 đến 8/31/2014	Lớp 11	9/1/2006 đến 8/31/2007
Lớp 5	9/1/2012 đến 8/31/2013	Lớp 12	9/1/2005 đến 8/31/2006
Lớp 6	9/1/2001 đến 8/31/2012		

Bước 2: Gửi trả lại gói ghi danh đã hoàn chỉnh này cùng với tất cả các tài liệu bổ sung cần thiết cho trường học của con bạn Nhân viên của trường sẽ liên hệ với bạn để hoàn thiện đơn đăng ký, và nếu cần thiết, sẽ yêu cầu bạn cung cấp thêm tài liệu. Nhân viên của trường sẽ cung cấp cho bạn một ngày bắt đầu sau khi hoàn thành gói ghi danh. Thủ tục giấy tờ không đầy đủ có thể làm chậm ngày bắt đầu của học sinh.

QUAN TRỌNG:

Bảng chứng Khai sinh:

Đối với học sinh vào lớp Mẫu giáo và lớp một, mới đến Hoa Kỳ hay không có trải nghiệm học tập trước đó, phụ huynh phải nộp một tài liệu để thiết lập độ tuổi của học sinh bao gồm, nhưng không giới hạn, giấy chứng nhận của một tôn giáo, bệnh viện hay bác sĩ cho thấy ngày sinh; hồ sơ nhận con nuôi; giấy khai sinh, hồ sơ trường học đã được xác minh trước đó; Giấy tờ của Bộ Dịch vụ Xã hội và Y tế (Department of Social and Health Services), hay bất kỳ tài liệu nào khác được pháp luật cho phép.

Các bệnh Đe dọa Tính mạng, Thuốc men và Tiêm chủng:

Học sinh có các bệnh đe dọa tính mạng (ví dụ: dị ứng nghiêm trọng, hen suyễn nặng, tiểu đường, động kinh, v.v.) phải cần có kế hoạch y tế; nếu bệnh này cần dùng thuốc, kế hoạch và thuốc PHẢI có tại trường trước hay vào ngày thứ Ba 2 tuần trước khi trường học bắt đầu để đảm bảo học sinh của quý vị có thể bắt đầu học vào ngày đầu tiên. Tiêm chủng là bắt buộc cho sự hiện diện của học sinh.

Nếu bạn có thêm câu hỏi, bạn có thể liên hệ:

Tiểu Học – Kari McGie theo số 425-431-7176 hoặc mcgiek280@edmonds.wednet.edu

Trung học - Leslie Anderson theo số 425-431-7094 hoặc andersonl@edmonds.wednet.edu

Văn Bản Xác Minh Cư Trú

Tên học sinh: _____ Trường: _____ Lớp: _____

Địa chỉ: _____ Thành phố: _____ Bang: _____ Mã vùng: _____

Để xác minh cư trú trong học khu, bạn **PHẢI** cung cấp **MỘT** tài liệu hiện tại từ danh sách sau. Tài liệu phải được ghi ngày trong vòng sáu mươi ngày qua và cho biết tên và địa chỉ của phụ huynh/người giám hộ (Số hộ thư bưu điện không được chấp nhận làm địa chỉ cư trú).

- ☐ Giấy tờ bản giao kèo escrow, giấy tờ nhà đất
- ☐ Văn bản bảo hiểm cư trú
- ☐ Hợp đồng thuê/cho thuê với hóa đơn tiền thuê hiện tại
- ☐ Hóa đơn khí đốt hoặc điện
- ☐ Hóa đơn nước
- ☐ Hóa đơn rác
- ☐ Hóa đơn truyền hình cáp và Internet
- ☐ Hóa đơn điện thoại cho một đường dây cố định tại địa chỉ đã nêu
- ☐ Các tài liệu khác được trường chấp thuận
- ☐ Nếu bạn thuộc một phần của **Chương Trình Bảo Mật Địa Chỉ Tiểu Bang Washington**, tài liệu chính thức từ Chương Trình Bảo Mật Địa Chỉ mà cho biết trường trong khu vực theo học đáp ứng yêu cầu thiết lập cư trú trong Học Khu Edmonds. Bạn phải nộp một lá thư gia hạn cho trường mỗi năm.
- ☐ Xác minh việc sống cùng _____. **Phải hoàn thành biểu mẫu Tuyên Thệ Cư Trú P-110**, có sẵn theo yêu cầu tại trường.

Nếu bạn không thể cung cấp bất kỳ mục nào ở trên, vui lòng liên hệ với trường để thảo luận về hoàn cảnh của bạn và thảo luận về các bước tiếp theo.

Xin liệt kê thêm tên của các học sinh tại địa chỉ này hiện đang học tại Học khu Edmonds (Edmonds School District).

Học sinh: _____ Trường: _____ Ngày sinh _____ Lớp _____

Học sinh: _____ Trường: _____ Ngày sinh _____ Lớp _____

Học sinh: _____ Trường: _____ Ngày sinh _____ Lớp _____

Tôi tuyên bố rằng (những) học sinh có tên ở trên cư trú tại địa chỉ ghi trên một trong các tài liệu nêu trên và đính kèm với gói ghi danh này. Tôi sẽ thông báo cho trường trong vòng hai tuần về những thay đổi nơi cư trú và đồng ý cung cấp bằng chứng cư trú mới và văn bản đã ký cập nhật vào thời điểm đó. Nếu tôi di chuyển ra ngoài ranh giới học khu, tôi hiểu rằng một đơn xin Chuyển Đổi (Choice Transfer Application) phải được giao nộp và chấp thuận để có thể tiếp tục đi học tại trường liệt kê ở trên.

Giả mạo bất kỳ thông tin hoặc tài liệu cần thiết nào để xác minh nơi cư trú hoặc sử dụng địa chỉ của người khác mà không thực sự cư trú ở đó, có thể dẫn đến việc hủy bỏ ghi danh của học sinh ở Học Khu Edmonds (xem Chính sách 3131).

Tên viết in của Phụ huynh/Người giám hộ: _____

Chữ ký của Phụ huynh/Người giám hộ: _____ Ngày: _____

For Office Use Only: Current Student – Recently Moved has NEW Address

Student(s) Request:

Transfer to new school assigned to address: ☐ Immediately or ☐ Date: _____Continue to attend current school through Grade 6 _____ Grade 8 _____ Grade 12 _____
(Students not approved to remain in path, must apply for school change when changing schools)**School:** Email a copy of this form to Kari McGie (elementary) or Leslie Anderson (secondary)



CHỈ điền vào mẫu đơn này NẾU tình trạng nhà ở của bạn bị thay đổi hoặc không ổn định. Nếu bạn sở hữu, thuê, hoặc cho thuê nhà của mình, vui lòng KHÔNG điền vào mẫu đơn này.

Câu trả lời cho những câu hỏi dưới đây có thể giúp xác định các dịch vụ mà học sinh có thể đủ điều kiện để nhận theo Đạo Luật McKinney-Vento 42 U.S.C. 11435. Đạo Luật McKinney-Vento cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ cho trẻ em và thanh thiếu niên vô gia cư. (Vui lòng xem mặt sau để biết thêm thông tin.)

Nếu học sinh sống trong một ngôi nhà do phụ huynh hoặc người giám hộ sở hữu hoặc thuê, bạn không cần điền vào mẫu đơn này trừ khi không có đủ cơ sở vật chất (không có nước, nhiệt, điện, v.v.). Nếu bạn không sở hữu/thuê nhà riêng của mình, vui lòng đánh dấu vào các ô áp dụng bên dưới.

- ☐ Trong nhà trọ/khách sạn
 ☐ Trong xe/công viên/khu cắm trại hoặc địa điểm tương tự
☐ Trong chiếc lều(ngắn hạn/dài hạn)
 ☐ Di chuyển nhà ở
☐ Di chuyển từ nơi này sang nơi khác/sống nương tựa nơi bạn bè
 ☐ Khác _____
☐ Trong nhà người khác hoặc chung cư với người/gia đình khác
☐ Trong nơi cư trú với cơ sở vật chất không đầy đủ (không có nước, nhiệt, điện, v.v.)

Tên Học Sinh (Họ, Tên)	Trường	Lớp	Ngày sinh	Tuổi

Bổ sung học sinh (các): _____

- ☐ Học sinh không có người giám hộ (không sống cùng cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp)
☐ Học sinh đang sống với cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp
☐ Học sinh đang được chăm sóc nuôi dưỡng

ĐỊA CHỈ CƯ TRÚ HIỆN NAY: _____

Học sinh có cần đưa đón đến/từ trường không: ☐ Không ☐ Có

SỐ ĐIỆN THOẠI HOẶC SỐ LIÊN HỆ: _____

TÊN ĐỂ LIÊN HỆ: _____

Tên viết hoa của phụ huynh(các) / người giám hộ hợp pháp(các) : _____
(Hoặc thanh thiếu niên không có người giám hộ)

*Chữ ký của phụ huynh/người giám hộ hợp pháp: _____ Ngày: _____
(Hoặc thanh thiếu niên không có người giám hộ)

☐ Học sinh (các) có tên ở trên có anh chị em/ trẻ em (chưa đến đi tuổi học) những người cần giúp đỡ phát triển, hỗ trợ từ cộng đồng hoặc giới thiệu đến các dịch vụ mầm non.

Vui lòng gửi lại mẫu đơn đã hoàn thành cho trường học của bạn. Nhà trường sẽ gửi mẫu đơn này cho cho Liên lạc viên Vô gia cư của Học khu.

For District Homeless Liaison Only: For data collection purposes and student information system coding

- ☐ (N) Not Homeless
 ☐ (A) Shelters
 ☐ (B) Doubled-Up
☐ (C) Unsheltered
 ☐ (D) Hotels/Motels
 ☐ (E) Unaccompanied Youth

Đạo Luật McKinney-Vento 42 U.S.C. 11435
SEC. 725. ĐỊNH NGHĨA

Vì các mục đích của phụ đề này:

(1) Thuật ngữ 'đăng ký' và việc 'đăng ký' kể cả việc đến lớp và tham gia đầy đủ các hoạt động của trường.

(2) Thuật ngữ 'trẻ em và thanh niên vô gia cư' —

(A) có nghĩa là các cá nhân thiếu một nơi cư trú cố định, thông thường và duy nhất vào ban đêm (trong ý nghĩa của mục 103(a)(1)); và

(B) bao gồm —

(i) trẻ em và thanh niên đang dùng chung nhà ở của những người khác do mất nhà, khó khăn về kinh tế hoặc một lý do tương tự; đang sống trong nhà trọ, khách sạn, nhà xe, hoặc khu đất cắm trại do thiếu nơi ăn ở đầy đủ khác; đang sống trong các nhà tạm khẩn cấp hoặc chuyển tiếp; bị bỏ rơi trong các bệnh viện; hoặc đang chờ gởi nuôi dưỡng chăm sóc;

(ii) trẻ em và thanh niên có nơi cư trú chủ yếu vào ban đêm là một nơi công cộng hoặc tư nhân không được thiết kế hoặc thường được sử dụng như là một chỗ ngủ thông thường dành cho con người (trong ý nghĩa của mục 103(a)(2)(C));

(iii) trẻ em và thanh niên đang sống trong xe hơi, công viên, chỗ công cộng, tòa nhà bỏ hoang, nhà ở dưới chuẩn, trạm xe buýt hoặc xe lửa hoặc các môi trường tương tự; và

(iv) trẻ em di trú (cũng như thuật ngữ này được định nghĩa trong mục 1309 của Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học ban hành năm 1965) hội đủ điều kiện là vô gia cư vì các mục đích của phụ đề này bởi vì trẻ em đang sống trong hoàn cảnh được mô tả trong điều khoản từ (i) đến (iii).

(6) Thuật ngữ 'thanh niên không thân nhân' kể cả một thanh niên không được một phụ huynh hoặc người giám hộ nuôi dưỡng thực sự.

Các Nguồn Trợ Giúp Bổ Sung

Thông tin phụ huynh và các nguồn trợ giúp có thể được tìm thấy sau đây:

<https://nche.ed.gov/> [National Center for Homeless Education](#)

<http://naehcy.org/educational-resources/> [National Association for the Education of Homeless Children and Youth](#)

For Office Use Only

Received:

Time:

Tên trường: _____ Ngày: _____

Thông tin học sinh

Họ chính thức	Tên chính thức	Tên đệm chính thức
Tên ưu tiên	Tên trước đây	Số điện thoại di động của học sinh
Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Không xác định Lớp nhập học: _____ Ngày sinh: _____/_____/_____		
Học sinh này có từng ghi danh vào Học Khu Edmonds không? ☐ Có ☐ Không Trường đã học gần đây nhất: _____		
Học sinh có CÙNG MỘT LÚC theo học một trường khác khi ghi danh vào Học Khu Edmonds không? ☐ Có ☐ Không		
Nếu Có, học sinh sẽ ghi danh vào trường nào khác? _____		

THÔNG TIN VỀ HỘ GIA ĐÌNH CHÍNH
Phụ huynh/Người giám hộ 1 - Mối quan hệ với học sinh _____

Họ chính thức	Tên chính thức	Tên đệm chính thức
Ngày sinh: _____/_____/_____ Địa chỉ Email: _____		
Số điện thoại (_____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (_____) _____ ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm

Phụ huynh/Người giám hộ 2 - Mối quan hệ với học sinh _____

Họ chính thức	Tên chính thức	Tên đệm chính thức
Ngày sinh: _____/_____/_____ Địa chỉ Email: _____		
Số điện thoại (_____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (_____) _____ ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm

Xin sử dụng _____ **làm số liên lạc chính của chúng tôi** ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm ☐ Bí mật

Địa chỉ cư trú: _____

Địa chỉ gửi thư (nếu khác): _____

THÔNG TIN VỀ HỘ GIA ĐÌNH PHỤ (NẾU CÓ)
Phụ huynh/Người giám hộ 1 - Mối quan hệ với học sinh _____

Họ chính thức	Tên chính thức	Tên đệm chính thức
Ngày sinh: _____/_____/_____ Địa chỉ Email: _____		
Số điện thoại (_____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (_____) _____ ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm

Phụ huynh/Người giám hộ 2 - Mối quan hệ với học sinh _____

Họ chính thức	Tên chính thức	Tên đệm chính thức
Ngày sinh: _____/_____/_____ Địa chỉ Email: _____		
Số điện thoại (_____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (_____) _____ ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm

Xin sử dụng _____ **làm số liên lạc chính của chúng tôi** ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm ☐ Bí mật

Địa chỉ cư trú: _____

Địa chỉ gửi thư (nếu khác): _____

FAMILY INFORMATION

Thông Tin Gia Đình	Có phụ huynh hoặc người giám hộ nào được liệt kê ở trên đã từng làm việc hoặc đang làm việc tại Học Khu Edmonds không? ☐ Có ☐ Không Nếu có, tên họ là gì? _____ Có phụ huynh hoặc người giám hộ nào được liệt kê ở trên đã từng là học sinh của Học Khu Edmonds không? ☐ Có ☐ Không Nếu có, phụ huynh hoặc người giám hộ nào và dưới tên họ gì? _____																																						
Thông tin về nhà trẻ: Chỉ từ Mẫu giáo đến Lớp 6	Con bạn có đi nhà trẻ không? ☐ Có ☐ Không <i>Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin sau.</i> Nhà trẻ có nên được liên hệ khi khẩn cấp không? ☐ Có ☐ Không																																						
	<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;">Tên nhà trẻ</td> <td style="width: 33%;">Địa chỉ nhà trẻ</td> <td style="width: 33%;">Số điện thoại</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Tên nhà trẻ</td> <td>Địa chỉ nhà trẻ</td> <td>Số điện thoại</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>				Tên nhà trẻ	Địa chỉ nhà trẻ	Số điện thoại				Tên nhà trẻ	Địa chỉ nhà trẻ	Số điện thoại																										
Tên nhà trẻ	Địa chỉ nhà trẻ	Số điện thoại																																					
Tên nhà trẻ	Địa chỉ nhà trẻ	Số điện thoại																																					
Thông tin liên lạc khẩn cấp	Trong trường hợp khẩn cấp với con bạn, hoặc khi chúng bị ốm hoặc bị thương và chúng tôi không thể liên lạc với phụ huynh hoặc người giám hộ đầu tiên. Vui lòng liệt kê những người, ngoài bạn, mà đã đồng ý chăm sóc và có thể đưa đón con bạn. Liên hệ 1:																																						
	<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 25%;">Họ</td> <td style="width: 25%;">Tên</td> <td style="width: 25%;">Mối quan hệ với học sinh</td> <td style="width: 25%;"> </td> </tr> <tr> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> </tr> </table>				Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh		Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																											
	Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh																																				
	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																																			
Liên hệ 2:																																							
<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 25%;">Họ</td> <td style="width: 25%;">Tên</td> <td style="width: 25%;">Mối quan hệ với học sinh</td> <td style="width: 25%;"> </td> </tr> <tr> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> </tr> </table>				Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh		Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																												
Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh																																					
Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																																				
Lịch sử học sinh	Liên hệ 3:																																						
	<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 25%;">Họ</td> <td style="width: 25%;">Tên</td> <td style="width: 25%;">Mối quan hệ với học sinh</td> <td style="width: 25%;"> </td> </tr> <tr> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> <td>Số điện thoại (____) _____</td> <td> ☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm </td> </tr> </table>				Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh		Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																											
	Họ	Tên	Mối quan hệ với học sinh																																				
	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm	Số điện thoại (____) _____	☐ Di động ☐ Nhà ☐ Chỗ làm																																			
Liệt kê TẤT CẢ các trường học sinh đã theo học, bắt đầu từ trường gần đây nhất. Học sinh của bạn có từng học trường công lập ở bang Washington không? ☐ Có ☐ Không																																							
<table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 33%;">Trường hiện tại nhất</td> <td style="width: 33%;">Cấp lớp đã theo học</td> <td style="width: 33%;">Ngày rút hồ sơ</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Thành phố</td> <td>Tiểu bang hoặc Quốc gia</td> <td>Số điện thoại Số Fax</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Trường</td> <td>Cấp lớp đã theo học</td> <td>Ngày rút hồ sơ</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Thành phố</td> <td>Tiểu bang hoặc Quốc gia</td> <td>Số điện thoại Số Fax</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Trường</td> <td>Cấp lớp đã theo học</td> <td>Ngày rút hồ sơ</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td>Thành phố</td> <td>Tiểu bang hoặc Quốc gia</td> <td>Số điện thoại Số Fax</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>				Trường hiện tại nhất	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ				Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax				Trường	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ				Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax				Trường	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ				Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax			
Trường hiện tại nhất	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ																																					
Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax																																					
Trường	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ																																					
Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax																																					
Trường	Cấp lớp đã theo học	Ngày rút hồ sơ																																					
Thành phố	Tiểu bang hoặc Quốc gia	Số điện thoại Số Fax																																					
Con bạn có bao giờ bị ở lại lớp chưa? ☐ Có ☐ Không Nếu có, ở các cấp lớp nào _____ Con bạn có bao giờ được lên lớp chưa? ☐ Có ☐ Không Nếu có, ở các cấp lớp nào _____																																							

Lịch sử học sinh

**Nếu Có, cung cấp một bản sao IEP cho trường*

Thông tin bổ sung

Thông tin gia đình quân đội

quan hệ
bắt đầu

DANH MỤC CÁC DÂN TỘC VÀ CHỦNG TỘC CỦA TIỂU BANG WASHINGTON

Vui lòng hoàn thành Phần I và Phần II

Xin Lưu ý: Danh mục các chủng tộc và dân tộc này do tiểu bang Washington cung cấp, và Học Khu Edmonds có nhiệm vụ thu thập thông tin này của mọi học sinh theo luật hiện hành của Tiểu bang và Liên bang. Nếu bạn không tự xác định danh tính, bạn sẽ được liên hệ bởi trường học để thu thập thông tin này cho mọi học sinh theo luật hiện hành của Tiểu bang và Liên bang.

Phần I

Hispanic hoặc La tinh

Học sinh của bạn có là người gốc Hispanic hay La tinh không? ☐ Có ☐ Không (Nếu “có”, vui lòng đánh dấu vào tất cả các mục phù hợp)

- | | | | | | | |
|--|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| ☐ Argentine | ☐ Chilean | ☐ Cuban | ☐ Guyanese | ☐ Mestizo | ☐ Paraguayan | ☐ Spaniard |
| ☐ Bolivian | ☐ Colombian | ☐ Dominican | ☐ Honduran | ☐ Dân bản địa | ☐ Peruvian | ☐ Surinamese |
| ☐ Brazillian | ☐ Costa Rican | ☐ Ecuadorian | ☐ Jamaican | ☐ Nicaraguan | ☐ Puerto Rican | ☐ Uruguayan |
| ☐ Chicano (Mỹ gốc Mexico) | ☐ Guatemalan | ☐ Mexican | ☐ Panamanian | ☐ Salvadoran | ☐ Venezuelan | |
- ☐ o Hispanic hoặc La tinh Điền vào: _____

Phần II

Bạn xem con bạn thuộc chủng tộc nào? Bạn có thể đánh dấu danh mục và điền vào (đánh dấu tất cả các mục phù hợp)

Người Mỹ Bản Địa Da Đỏ hoặc Người Alaska Bản Địa

Nếu bạn chọn bất kỳ mục nào trong số này, vui lòng hoàn thành đơn này: Hỗ trợ cho: **Học Sinh Mỹ bản địa (Chương trình Tiêu Đề VI)**

- ☐ Người Mỹ bản địa da đỏ/Người Alaska bản địa
- ☐ Người Mỹ bản địa da đỏ Điền vào: _____ ☐ Người Alaska bản địa Điền vào: _____

Các bộ tộc của bang Washington:

- | | |
|--|--|
| ☐ Bộ tộc Chinook | ☐ Bộ tộc Quileute của Quileute Reservation |
| ☐ Liên minh bộ tộc của Yakama Nation | ☐ Quốc gia da đỏ Quinalt |
| ☐ Liên minh bộ tộc của Chehalis Reservation | ☐ Quốc gia da đỏ Samish |
| ☐ Liên minh bộ tộc của Colville Reservation | ☐ Bộ tộc da đỏ Sauk-Suiattle của Washington |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Cowlitz | ☐ Bộ tộc da đỏ Shoalwater Bay của Shoalwater Bay Indian Reservation |
| ☐ Bộ tộc Duwamish | ☐ Bộ tộc da đỏ Skokomish |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Hoh | ☐ Bộ tộc Snohomish |
| ☐ Bộ tộc Jamestown S’Klallam | ☐ Bộ tộc da đỏ Snoqualmie |
| ☐ Cộng đồng da đỏ Kalispel của Kalispel Reservation | ☐ Bộ tộc Snoqualmoo |
| ☐ Quốc gia da đỏ Kikiallus | ☐ Bộ tộc Spokane của Spokane Reservation |
| ☐ Cộng đồng bộ tộc Lower Elwha | ☐ Bộ tộc Squaxin Island của Squaxin Island Reservation |
| ☐ Bộ tộc Lummi của Lummi Reservation | ☐ Bộ tộc Steilacoom |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Makah của Makah Indian Reservation | ☐ Bộ tộc Stillaguamish của Indians của Washington |
| ☐ Marietta Band của Bộ tộc Nooksack | ☐ Bộ tộc da đỏ Suquamish của Port Madison Reservation |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Muckleshoot | ☐ Cộng đồng bộ tộc da đỏ Swinomish |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Nisqually | ☐ Bộ tộc Tulalip của Washington |
| ☐ Bộ tộc da đỏ Nooksack | ☐ Thượng Skagit |
| ☐ Bộ tộc Port Gamble S’Klallam | |
| ☐ Bộ tộc Puyallup của Puyallup Reservation | |

Người Châu Á

- | | |
|---|--------------------------------------|
| ☐ Người Châu Á | ☐ Malaysian |
| ☐ Ấn độ | ☐ Mien |
| ☐ Bangladeshi | ☐ Mongolian |
| ☐ Bhutanese | ☐ Nepali |
| ☐ Burmese/Myanmar | ☐ Okinawan |
| ☐ Cam-pu-chia/Khmer | ☐ Pakistani |
| ☐ Cham | ☐ Punjabi |
| ☐ Trung Quốc | ☐ Singaporean |
| ☐ Phi-lip-pin | ☐ Sri Lankan |
| ☐ Hmong | ☐ Đài Loan |
| ☐ Indonesian | ☐ Thái |
| ☐ Nhật Bản | ☐ Tibetan |
| ☐ Hàn Quốc | ☐ Việt Nam |
| ☐ Lào | |
| ☐ Người Châu Á Điền vào: _____ | |

Người Hawaii bản địa hoặc người Đảo Thái Bình Dương khác

- ☐ Người Hawaii bản địa/ người Đảo Thái Bình Dương khác
- | | |
|--|---|
| ☐ Carolinian | ☐ Palauan |
| ☐ Chamorro | ☐ Papuan |
| ☐ Chuukese | ☐ Pohnpeian |
| ☐ Fijian | ☐ Samoan |
| ☐ i-Kiribati/Gilbertese | ☐ Solomon Islander |
| ☐ Kosraean | ☐ Tahitian |
| ☐ Maori | ☐ Tokelauan |
| ☐ Marshallese | ☐ Tongan |
| ☐ Native Hawaiian | ☐ Tuvaluan |
| ☐ Ni-Vanuatu | ☐ Yapese |
- ☐ Người đảo Thái Bình Dương Điền vào: _____

**Bạn có thể đánh dấu danh mục và điền vào (đánh dấu tất cả các mục phù hợp)
Bạn xem con bạn thuộc chủng tộc nào?**

Người Mỹ da đen hoặc người Mỹ gốc Phi

- ☐ Người Mỹ da đen/
gốc Phi
- ☐ Người Mỹ gốc Phi
- ☐ Người Canada gốc
Phi

Người Caribbean

- ☐ Anguillan
- ☐ Antiguan
- ☐ Bahamian
- ☐ Barbadian
- ☐ Barthélemois/
Barthélemoises
(Saint Barthélemy)
- ☐ British Virgin
Islander
- ☐ Caymanian
(Đảo Cayman)
- ☐ Cuba Dominican
- ☐ Dominican
(Cộng hòa Dominican)
- ☐ Dutch Antillean
(Netherland Antilles)
- ☐ Grenadian
- ☐ Guadeloupian
- ☐ Haitian
- ☐ Jamaican
- ☐ Martiniquais/
Martiniquaise
- ☐ Montserratian
- ☐ Puerto Rican
- ☐ Caribbean Điền vào: _____

Người da trắng

- ☐ Người da trắng

Người Đông Âu

- ☐ Bosnian
- ☐ Herzegovinian
- ☐ Ba Lan
- ☐ Romanian
- ☐ Nga
- ☐ Ukrainian
- ☐ Người Đông Âu Điền
vào: _____
- ☐ Người da trắng Điền vào: _____

Người Trung Phi

- ☐ Angolan
- ☐ Cameroonian
- ☐ Central African
(Cộng hòa Trung Phi)
- ☐ Chadian
- ☐ Congolese
(Cộng Hòa Congo)
- ☐ Congolese
(Cộng hòa dân chủ
Congo)
- ☐ Equatorial Guinean
- ☐ Gabononese
- ☐ Sao Tomean
- ☐ Principe
- ☐ Người Trung Phi
Điền vào: _____

Người Nam Phi

- ☐ Botswanan
- ☐ Mosotho (Lesotho)
- ☐ Nambian
- ☐ South African
- ☐ Swazi
- ☐ Người Nam Phi
Điền vào: _____

Người Đông Phi

- ☐ Burundian
- ☐ Comoran
- ☐ Djiboutian
- ☐ Eritrean
- ☐ Ethiopian
- ☐ Kenyan
- ☐ Malagasy
(Madagascar)
- ☐ Malawian
- ☐ Mauritian (Mauritius)
- ☐ Mahoran (Mayotte)
- ☐ Mozambican
- ☐ Reunionese
- ☐ Rwandan
- ☐ Seychellois/
Seychelloise
- ☐ Somali
- ☐ South Sudanese
- ☐ Sudanese
- ☐ Ugandan
- ☐ Tanzanian (United
Republic of Tanzania)
- ☐ Zambian
- ☐ Zimbabwean
- ☐ Người Đông Phi
Điền vào: _____

Người Mỹ Latinh

- ☐ Argentine
- ☐ Belizean
- ☐ Bolivian
- ☐ Brazilian
- ☐ Chilean
- ☐ Colombian
- ☐ Costa Rican
- ☐ Ecuadorian
- ☐ El Salvadoran
- ☐ Falkland Islander
- ☐ French Guianese
- ☐ Guatemalan
- ☐ Guyanese
- ☐ Gonduran
- ☐ Mexican
- ☐ Nicaraguan
- ☐ Panamanian
- ☐ Paraguayan
- ☐ Peruvian
- ☐ South Georgia
và South Sandwich
Islands
- ☐ Surinamese
- ☐ Uruguayan
- ☐ Venezuelan
- ☐ Người Mỹ Latinh
Điền vào: _____

Người Tây Phi

- ☐ Beninese
- ☐ Bissau-Guinean
- ☐ Burkinabé
(Burkina Faso)
- ☐ Cabo Verdean
- ☐ Ivorian
(Cote d'Ivoire)
- ☐ Gambian
- ☐ Ghanaian
- ☐ Liberian
- ☐ Malian
- ☐ Mauritanian
- ☐ Nigerien (Niger)
- ☐ Nigerian (Nigeria)
- ☐ Saint Helenian
- ☐ Senegalese
- ☐ Sierra Leonean
- ☐ Togolese
- ☐ Người Tây Phi
Điền vào: _____

Người Trung Đông và Bắc Phi

- ☐ Algerian
- ☐ Amazigh hoặc Berber
- ☐ Ả Rập hoặc Arabic
- ☐ Assyrian
- ☐ Bahraini
- ☐ Bedouin
- ☐ Chaldean
- ☐ Người Trung Đông Điền
vào: _____
- ☐ Copt
- ☐ Druze
- ☐ Ai Cập
- ☐ Emirati
- ☐ Iranian
- ☐ Iraqi
- ☐ Israeli

- ☐ Jordanian
- ☐ Kurdish Kuwaiti
- ☐ Lebanese
- ☐ Libyan
- ☐ Moroccan
- ☐ Omani
- ☐ Palestinian
- ☐ Người Bắc Phi Điền vào: _____
- ☐ Qatari
- ☐ Saudi Arabian
- ☐ Syrian
- ☐ Tunisian
- ☐ Yemeni

Theo luật, học sinh (hoặc phụ huynh/người giám hộ thay mặt học sinh) không bắt buộc phải xác định chủng tộc và/hoặc dân tộc của mình trên các mẫu đơn của trường. Tuy nhiên, nếu học sinh (hoặc phụ huynh/người giám hộ thay mặt cho học sinh) không hoàn thành câu hỏi gồm hai phần về chủng tộc và dân tộc, theo luật, nhân viên nhà trường phải sử dụng 'nhận dạng bằng quan sát' để chọn chủng tộc và dân tộc của học sinh.



Văn Phòng Giám Đốc Giảng Dạy Công Lập (OSPI)
Khảo Sát Ngôn Ngữ Ở Nhà

Bảng Khảo Sát Ngôn Ngữ Ở Nhà được trao cho tất cả học sinh ghi danh tại các trường ở Washington

Tên Học Sinh:		Lớp:	Ngày:
Tên Phụ Huynh/Người Giám Hộ _____ Chữ Ký Phụ Huynh/Người Giám Hộ _____			
Quyền Nhận Được Dịch Vụ Phiên Dịch và Thông Dịch Quan trọng- Tất cả các phụ huynh đều có quyền biết thông tin về việc học của con mình bằng ngôn ngữ mà họ hiểu. Khi con bạn ghi danh vào trường, trường sẽ hỏi bạn về ngôn ngữ bạn muốn sử dụng khi giao tiếp với nhà trường. Điều này giúp trường xác định nhu cầu ngôn ngữ của bạn để họ có thể cung cấp thông dịch viên hoặc các tài liệu được dịch miễn phí.	Tất cả phụ huynh đều có quyền được biết thông tin về việc học của con em mình bằng ngôn ngữ mà họ hiểu. 1. Gia đình quý vị muốn nhận thông báo bằng văn bản của trường bằng những ngôn ngữ nào? (Skyward Fields - Student Language & Family Home Language) _____ a. Quý vị có cần thông dịch cho các cuộc họp và cuộc điện thoại (bao gồm cả AsL) không? Có ____ Ngôn ngữ ____ Không ____ b. Bạn có cần tài liệu được dịch không? Có ____ Không ____		
Điều Kiện để Nhận được Hỗ Trợ Phát Triển Ngôn Ngữ Thông tin về ngôn ngữ của học sinh giúp chúng tôi xác định các học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết cho sự thành công trong trường học. Việc kiểm tra có thể cần thiết để quyết định nếu việc hỗ trợ ngôn ngữ là cần thiết.	2. Những ngôn ngữ chính nào con quý vị có thể nói hoặc hiểu được? (Skyward Field - Native) _____ 3. Con của quý vị sử dụng ngôn ngữ nào nhiều nhất ở nhà? (Skyward Field - Home) _____ NOTE TO OFFICE: Do not change Native or Home Language after initial enrollment, unless correcting English to a language other than English. Never change Native or Home Language from another language to English unless instructed to do so by the EL Department.		
Giáo Dục Trước Đây Những câu trả lời của quý vị về đất nước mà con của quý vị được sinh ra và về việc giáo dục trước đây: • Cho chúng tôi thông tin về kiến thức và kỹ năng mà con quý vị đem tới trường. • Có thể cho phép khu học chánh nhận được kinh phí bổ sung của liên bang để cung cấp hỗ trợ cho con của quý vị. <i>Mẫu đơn này không được sử dụng để xác định tình trạng nhập cư của học sinh.</i>	4. Con của quý vị được sinh ra ở nước nào? _____ 5. Con của quý vị có bao giờ nhận được giáo dục chính quy ở ngoài Hoa Kỳ hay không? (Mẫu giáo – Lớp 12) ____ Có ____ Không ____ Nếu có: Bao nhiêu tháng: _____ Ngôn ngữ giảng dạy: _____ 6. Con của quý vị lần đầu tiên đi học tại Hoa Kỳ khi nào? (Mẫu giáo – Lớp 12) _____ Tháng _____ Ngày _____ Năm _____ 7. Di cư: Trẻ em hoặc phụ huynh/người giám hộ có chuyển sang làm công việc thời vụ hoặc tạm thời trong lãnh vực nông nghiệp hoặc đánh bắt cá không? Có ____ Không ____		

Liên hệ với trường học của bạn nếu bạn có thêm câu hỏi về biểu mẫu này hoặc về các dịch vụ có sẵn tại trường học của con bạn

Chữ ký

Tôi xác nhận rằng thông tin được cung cấp trong các tài liệu này là đúng sự thật và chính xác. Tôi hiểu rằng việc cung cấp thông tin sai lệch có thể là cơ sở để thu hồi việc ghi danh vào học khu Edmonds.
Chữ ký của Phụ huynh/Người giám hộ: _____ Ngày: _____

Gửi Phụ Huynh/Người Giám Hộ:

Định Nghĩa:

Người da đỏ có nghĩa là một cá nhân là (1) Thành viên của Người Bộ Lạc hoặc nhóm Người Bản Địa, vì tư cách thành viên được xác định bởi Bộ Lạc hoặc nhóm Người Bản Địa, bao gồm bất kỳ Bộ Lạc hoặc Nhóm nào kết thúc kể từ năm 1940, và bất kỳ Bộ Lạc hoặc Nhóm nào được tiểu bang nơi Bộ Lạc hoặc Nhóm cư trú công nhận; (2) Con cháu của cha mẹ hoặc ông bà đáp ứng các yêu cầu được mô tả trong đoạn (1) của định nghĩa này; (3) Được Bộ trưởng Nội vụ xem xét nếu là người Bản Địa vì bất kỳ mục đích nào; (4) Người Eskimo, Aleut hoặc Người Alaska bản địa; hoặc (5) Thành viên của một nhóm Người Bản Địa có tổ chức đã nhận được trợ cấp dưới Đạo Luật Giáo Dục Người Bản Địa năm 1988 đã có hiệu lực vào ngày 19 tháng 10 năm 1994.

Thông Tin Học Sinh:

Điền tên của học sinh, ngày sinh, cấp lớp, tên trường và học khu. Chỉ điền tên một em cho mỗi mẫu đơn.

Thành Viên Bộ Lạc:

Điền tên nếu thành viên bộ lạc nếu đó không phải là học sinh được liệt kê. Chỉ cần viết một tên cho phần này, mặc dù nhiều người có thể là thành viên bộ lạc. Chỉ chọn một mã định danh: cha mẹ hoặc ông bà của học sinh, người mà bạn có thể cung cấp thông tin thành viên.

Điền tên và địa chỉ của tổ chức để duy trì và cập nhật chính xác dữ liệu thành viên cho Bộ Lạc hoặc nhóm Người Bản Địa. Tên này không cần phải là tên chính thức vì nó xuất hiện chính xác trong danh sách của Bộ Nội Vụ Liên Bang và Bộ Lạc công nhận, nhưng tên phải dễ nhận biết và đầy đủ chi tiết để cho phép xác minh tư cách hợp lệ của Bộ Lạc. Chỉ đánh dấu vào một ô cho biết đó là Chứng nhận được Liên bang, Tiểu bang công nhận, Bộ Lạc đã kết thúc hoặc Nhóm Người Bản Địa có Tổ chức. Điền số đăng ký thiết lập thành viên cho học sinh, cha mẹ hoặc ông bà, nếu có sẵn, hoặc bằng chứng khác về tư cách thành viên.

Tuyên bố chứng thực:

Cung cấp tên viết hoa của phụ huynh/người giám hộ và chữ ký, địa chỉ, số điện thoại và email của phụ huynh hoặc người giám hộ của học sinh. Chữ ký của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh để xác minh tính chính xác của thông tin được cung cấp.

Trích Dẫn Thu Thập Thông Tin:

Theo Đạo Luật Giám Thủ Tục Giấy tờ năm 1995, không cần phải trả lời cho việc thu thập thông tin trừ khi thu thập đó hiển thị số kiểm soát OMB hợp lệ. Số kiểm soát OMB hợp lệ cho việc thu thập thông tin này là 1810-0021. Thời gian cần thiết để hoàn thành phần thu thập thông tin này cho mỗi loại tùy theo người trả lời được ước tính trung bình: 15 phút cho mỗi mẫu chứng nhận sinh viên Người Bản Địa (ED 506); bao gồm cả thời gian để xem xét các hướng dẫn, tìm kiếm các nguồn dữ liệu hiện có, thu thập dữ liệu cần thiết, hoàn thành và xem xét việc thu thập thông tin. Nếu bạn có bất kỳ nhận xét nào liên quan đến độ chính xác của (các) ước tính thời gian hoặc đề xuất để cải thiện mẫu đơn này, vui lòng viết thư cho U.S. Department of Education, Washington D.C. 20202-4651. Nếu bạn có ý kiến hoặc quan tâm liên quan đến mẫu đơn này, viết trực tiếp cho: Office of Indian Education, U.S. Department of Education, 400 Maryland Avenue, SW.LBJ/Room 3W238, Washington D.C. 20202-6335.

☐ Có, tôi là thành viên Bộ Lạc hoặc Hội Viên (tiếp tục hoàn thành mẫu 506)

☐ Không, tôi không là thành viên Bộ Lạc hoặc Hội Viên (DỪNG, không tiếp tục)

***District Staff - Please send completed forms to Multilingual Department - Elliottk818@edmonds.wednet.edu

ED506 Form

Indian Student Eligibility Certification Form for Title VI Indian Education Formula Grant Program

Parent/Guardian: This form serves as the official record of the eligibility determination for each individual child included in the student count for the Title VI Indian Education Formula Grant Program. If you choose to submit a form, your child could be counted for funding under the program. The grantee receives the grant funds based on the number of eligible forms counted during the established count period. You are not required to complete or submit this form unless you wish for your child(ren) to be included in the Indian student count. This form should be kept on file with the grant applicant and will not need to be completed every year. Where applicable, the information contained in this form may be released with your prior written consent or the prior written consent of an eligible student (aged 18 or over), or if otherwise authorized by law, if doing so would be permissible under the Family Educational Rights and Privacy Act, 20 U.S.C. §1232g, and any applicable state or local confidentiality requirements.

Student Information

Name of the Child: _____ Date of Birth: _____ Grade level: _____

Name of School: _____ School District: _____

Tribal Membership

The individual with Tribal membership is the (**Required** select only one): ☐ child ☐ child's parent ☐ child's grandparent

If the individual with Tribal membership is not the child listed above, name the individual (parent/grandparent) with tribal membership: _____

Name and address of Tribe or Band that maintains updated and accurate membership data for the individual listed above:

Name: _____ Address: _____

City: _____ State: _____ Zip Code: _____

The Tribe or Band is (**Required** select only one):

- ☐ Federally Recognized Tribe
- ☐ State Recognized Tribe
- ☐ Terminated Tribe
- ☐ Alaska Native
- ☐ Member of an organized Indian group that received a grant under the Indian Education Act of 1988 as it was in effect October 19, 1994.

Proof of membership in Tribe or Band listed above, as defined by Tribe or Band is: **Required**

- ☐ Membership or enrollment number establishing membership (if readily available) or
- ☐ Other evidence establishing membership in the Tribe listed above (describe and attach)

Membership or enrollment number establishing membership (readily available) or other evidence establishing membership in the Tribe listed above (describe and attach). _____

Attestation Statement

I verify that the information provided above is true and correct to the best of my knowledge and belief.

Printed Name of Parent/Guardian: _____ Signature: _____

Address: _____ City: _____ State: _____ Zip Code: _____

Phone Number: _____ Email: _____ Date: _____

Serving Brier, Edmonds, Lynnwood, Mountlake Terrace, Woodway, and portions of Snohomish County

Mục đích của việc gửi thư này là để thu thập thông tin về những học sinh có nhu cầu về sức khỏe. Vui lòng điền vào biểu mẫu, “Đăng Ký Sức Khỏe Học Sinh - HS 534,” cho dù học sinh của bạn có nhu cầu sức khỏe cần chăm sóc hàng ngày hoặc khẩn cấp để cho chúng được khỏe mạnh và an toàn hay không. Là phụ huynh/người giám hộ, điều quan trọng là phải nhận thức được những gì được yêu cầu bởi luật pháp trước khi con bạn có thể bắt đầu đi học.

Tình trạng sức khỏe mãn tính

- Nếu con bạn có một tình trạng đe dọa tính mạng sẽ khiến học sinh có nguy cơ tử vong trong ngày học nếu không có thuốc hoặc phương pháp điều trị; vui lòng thông báo cho y tá của trường.
- Học sinh có các tình trạng rủi ro được yêu cầu phải có thuốc và phương pháp điều trị từ bác sĩ được cấp phép và một kế hoạch chăm sóc tại trường học trước khi bắt đầu đi học.
- Cung cấp những thay đổi cần thiết xảy ra trong năm học, ví dụ như số điện thoại liên lạc hoặc tình trạng sức khỏe của học sinh (theo điều luật RCW 28.A.210.320).

Quản lý thuốc men

- Thuốc phải được gửi trong hộp đựng gốc nếu đó là thuốc không kê đơn.
- Nếu là thuốc được kê đơn, chai thuốc phải được dán nhãn thích hợp và ở trong hộp đựng gốc.
- Vui lòng kiểm tra ngày hết hạn. Nhân viên nhà trường không được phép cho thuốc đã hết hạn sử dụng.
- Cần có đơn đồng ý cho dùng thuốc đối với bất kỳ loại thuốc nào sử dụng tại trường. Chữ ký của phụ huynh/người giám hộ VÀ bác sĩ của học sinh là bắt buộc đối với BẤT KỲ loại thuốc nào được sử dụng tại trường. Điều này bao gồm thuốc kê đơn cũng như thuốc không kê đơn.
- Sự đồng ý qua fax của phụ huynh và/hoặc bác sĩ được chấp nhận.

Chính sách thuốc men Edmonds có thể được xem trên trang web của Học Khu Edmonds trong phần Chính Sách và Quy Trình của Hội Đồng Trường Học.

Nếu bạn có câu hỏi hoặc thắc mắc, vui lòng liên hệ với y tá của trường.

Trân trọng,
Nhóm Dịch Vụ Y Tế

Rev 12.2020 12.2021



Trường: _____

Ngày bắt đầu dự kiến: _____

Tên học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Giới tính ưu tiên	Lớp
Tên phụ huynh/Người giám hộ	Số điện thoại	Email		
Tên bác sĩ	Tên nha sĩ		Số điện thoại	
Số điện thoại				

CẢNH BÁO: Nhà trường phải biết về các tình trạng **ĐE DỌA TÍNH MẠNG** (chẳng hạn như dị ứng nặng, hen suyễn, tiểu đường, co giật, hoặc các tình trạng có nguy cơ khác). Điều này yêu cầu bạn phải có Kế Hoạch Chăm Sóc Khẩn Cấp Đe Dọa Tính Mạng và sắp xếp sẵn sàng thuốc men, đồ dùng và nhà cung cấp cần thiết trước khi học sinh của bạn có thể đi học (theo RCW 28A. 210.320).

LỊCH SỬ SỨC KHỎE - Yêu cầu chữ ký ở trang 2

Bảo hiểm y tế ☐ Có ☐ Không

☐ KHÔNG CÓ ĐIỀU KIỆN GÌ

Điều kiện đe dọa tính mạng: Cần có kế hoạch chăm sóc

- EG ☐ **Sốc phản vệ (kê đơn Epi-pen)**
 EK ☐ **Tiểu đường loại 1**
 NP ☐ **Co giật (Cần dùng thuốc khẩn cấp)**
 RG ☐ **Hen suyễn - Nặng**

Bẩm sinh / Di truyền

- AH ☐ Hội chứng Down
 AJ ☐ Rối loạn phổ rượu ở thai nhi

Máu / Huyết học

- BA ☐ Thiếu máu
 BB ☐ Bệnh máu khó đông
 BC ☐ Đặc điểm bệnh tế bào hình liềm
 OJ ☐ Tiền sử chảy máu cam nghiêm trọng

Tim mạch / Tim

- CC ☐ Tật bẩm sinh về tim
 CD ☐ Tiếng thổi của tim

Dị ứng, miễn dịch, nội tiết, trao đổi chất và dinh dưỡng

- ED ☐ Dị ứng – đồ ăn
 EE ☐ Dị ứng- Côn trùng
☐ Dị ứng khác
 EL ☐ Tiểu đường loại 2

Dạ dày, Nha khoa và Răng miệng

- GA ☐ Bệnh Celiac
 GG ☐ không dung nạp đồ ăn. Liệt kê:
 GL ☐ Không dung nạp lactose
 GF ☐ ỉa đùn
 GO ☐ Táo bón mãn tính
 GH ☐ Trào ngược dạ dày
 GJ ☐ Bệnh viêm ruột
 GK ☐ Hội chứng ruột bị kích thích
☐ Tình trạng răng miệng

Cơ xương khớp

- MC ☐ Thấp khớp vị thành niên/Viêm khớp tự phát

Hệ thần kinh

- NB ☐ chẩn đoán ADHD/ADD
 NC ☐ Rối loạn phổ tự kỷ
 NE ☐ Bại não
 NF ☐ Khuyết tật phát triển
 NH ☐ Chứng đau nửa đầu
 NI ☐ Nhức đầu, Tái phát
 NP ☐ Rối loạn co giật ☐ Hiện tại ☐ Từng bị
 NU ☐ Chấn thương sọ não

Cấy ghép

- OD ☐ Liệt kê nội tạng:

Sức khỏe tinh thần hoặc hành vi

- PA ☐ Lo lắng
 PC ☐ Trầm cảm
 PH ☐ Rối loạn ngủ

Hô hấp / thở

- RG ☐ Hen suyễn - Hiện tại
 RH ☐ Hen suyễn- Từng bị chẩn đoán
 RA ☐ Hen suyễn - Tập thể dục gây ra
 RE ☐ Bệnh đường thở phản ứng

Làn da

- SB ☐ Bệnh chàm/Viêm da tiếp xúc/Bệnh vẩy nến

Renal / Kidney

Xin liệt kê: _____

Ear / Hearing

- YA ☐ Nhiễm trùng tai mãn tính ☐ Hiện tại ☐ Từng bị
 YB ☐ Khiếm thính - Cây ốc tai điện tử trợ thính

EYE / Vision

- YF ☐ Đeo kính / áp tròng
 YE ☐ Suy giảm thị lực màu sắc
 YD ☐ Khiếm thị

CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC:

Thuốc/phương pháp điều trị tại Trường ☐ Không ☐ Có (yêu cầu sự ủy quyền bằng văn bản có chữ ký của bác sĩ)

☐ Hoàn thành các thủ tục giấy tờ cần thiết để sử dụng thuốc tại trường

Thuốc tại nhà ☐ Không ☐ Có Xin liệt kê: _____

Dị ứng

Nguyên nhân gây ra dị ứng?

Ngày xảy ra dị ứng gần đây nhất:

- Dị ứng:
- ☐ Nổi mề đay ☐ Sưng môi, miệng, lưỡi, họng ☐ Khó thở ☐ Buồn nôn, đau bụng, nôn mửa, tiêu chảy
- Dị ứng này có cần chăm sóc khẩn cấp không? ☐ Không ☐ Có (Xin giải thích)
- Học sinh của bạn đã hoàn thành xét nghiệm dị ứng chưa? ☐ Không ☐ Có (Ở đâu và khi nào?)

Thuốc Dị ứng:

Tên	Liều lượng	Tần suất

Hen suyễn

- Nguyên nhân gây ra các triệu chứng hen suyễn? ☐ Nhiễm trùng đường hô hấp ☐ Phấn hoa/Mốc ☐ Tập thể dục ☐ Thời tiết / Nhiệt độ
- ☐ Động vật ☐ Khói
- ☐ Chất lượng không khí kém ☐ Mùi nồng / Nước hoa
- Ngày chẩn đoán: Bác sĩ đã chẩn đoán cho học sinh:

Thuốc chữa bệnh hen suyễn:

Tên	Liều lượng	Tần suất

- Con bạn có dùng miếng đệm/buồng tạo khí với ống hít của chúng không? ☐ Không ☐ Có
- Con bạn có cần dùng steroid đường uống (ví dụ: prednisone) không? ☐ Không ☐ Có (Khi nào?)
- Con bạn đã phải đến bệnh viện vì bệnh suyễn chưa? ☐ Không ☐ Có (xin giải thích)

Bệnh tiểu đường

- Ngày chẩn đoán: Thuốc ☐ Uống ☐ Insulin (loại)
- Thiết bị ☐ Bút tiêm insulin ☐ Bơm insulin (loại) ☐ CGM (loại)
- Con bạn có thể tự kiểm tra BG (đường trong máu) của mình không? ☐ Không ☐ Có
- Con bạn có thể tự đếm carbs không? ☐ Không ☐ Có
- Con bạn có thể tự tính toán liều insulin của riêng chúng không? ☐ Không ☐ Có
- Con bạn có thể tự quản lý insulin không? ☐ Không ☐ Có

Co giật

- Ngày co giật đầu tiên: Ngày co giật gần đây nhất:
- Tần suất của hoạt động co giật: ☐ Một lần ☐ Hàng ngày ☐ Hàng tuần ☐ Hàng tháng ☐ Hàng năm
- Loại co giật:

Thuốc co giật:

Tên	Liều lượng	Tần suất

- Con bạn có bị co giật mà cần chăm sóc/thuốc khẩn cấp không? ☐ Không ☐ Có Khi nào?
- Please explain:

Các thiết bị y tế	Lỗ khí	Hoạt động thể chất/Vận động
☐ OLA ☐ OLB ☐ OLC ☐ OLD ☐ OLE ☐ ☐ ☐ Máy kích thích thần kinh phế vị Máy khử rung tim bên trong tự động Máy trợ tim Ống thông dạ dày Ống cắt hồng tràng Giá đỡ Bộ phận giả – Liệt kê: Các thiết bị y tế khác:	☐ OKA ☐ OKB ☐ OKD ☐ OKE ☐ OK Thông dạ dày Thông ruột Mở khí quản Thông niệu quản Khác	☐ ☐ ☐ Xe lăn Nặng Khác – Liệt kê:

Kính gửi: Quý phụ huynh học sinh của Học khu Edmonds
Từ: Phòng Dịch Vụ Sức Khỏe Học sinh (Student Health Services Department)

Yêu cầu ghi danh vào trường theo Luật của Bang Washington (RCW 28A.210.080)

- Một giấy chứng nhận tình trạng tiêm chủng (Certificate of Immunization Status) đầy đủ. Bao gồm một hoặc các biên bản như sau:
 - Một Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng (Certificate of Immunization Status, CIS) được in ra từ hệ thống dữ liệu [MyIR](#) của Bộ Y Tế Tiểu bang Washington hoặc Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng (Certificate of Immunization Status, CIS) từ một tiểu bang khác
 - Một bản sao của Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng (Certificate of Immunization Status, CIS) có chữ ký của một bác sĩ
 - Một bản sao của giấy Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng (Certificate of Immunization Status, CIS) kèm theo hồ sơ tiêm chủng từ một bác sĩ được xác định và ký tên bởi một nhân viên nhà trường

HOẶC

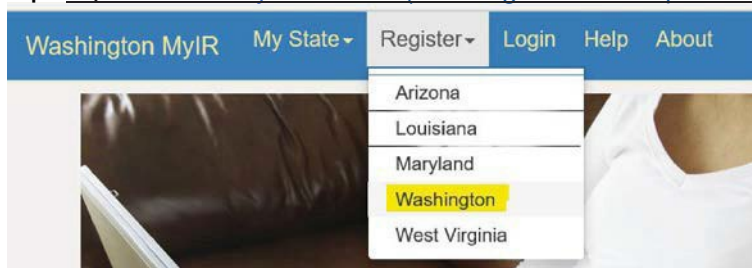
- Biên bản thông báo cho nhà trường là một đợt nổi tiếp các mũi tiêm chủng đã được bắt đầu
Đợt tiêm chủng này sẽ theo lịch trình do bác sĩ gia đình đề nghị. Bác sĩ gia đình có thể cung cấp tiêm chủng cho quý vị hoặc quý vị cũng có thể nhận được vaccines từ Trung Tâm Sức Khỏe Cộng Đồng Quận Snohomish (Community Health Center of Snohomish County): WWW.chcsno.org. Tình trạng cho phép có điều kiện này được chấp thuận cho học sinh chỉ khi nào các học sinh đã bắt đầu đợt nổi tiếp các mũi tiêm chủng mà các em cần phải nhận được. Điều kiện đáp ứng để được nhập học là các đợt tiêm chủng cần thiết phải được hoàn tất hoặc đã được bắt đầu. Một biên bản được chứng nhận y tế của tình trạng này phải được nộp cho nhà trường trước hoặc trong ngày đầu tiên nhập học.

HOẶC

- Hoàn tất đơn Chứng Nhận Miễn Tiêm chủng (Certificate of Exemption, C.O.E.) kèm theo Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng (Certification of Immunization)
Một bác sĩ hiện đang có bằng phải ký bản Chứng Nhận Miễn Tiêm chủng (Certificate of Exemption) cho phụ huynh hoặc người bảo hộ để xin miễn con em học sinh các yêu cầu về tiêm chủng của nhà trường. Chữ ký của bác sĩ xác định là bác sĩ đã có trình bày cho phụ huynh hoặc người bảo hộ về lợi ích cũng như nguy cơ của việc tiêm chủng. Phụ huynh hoặc người bảo hộ cũng có thể giao nộp một lá thư có ký tên của bác sĩ xác định cùng thông tin như trên. Nếu có đợt dịch bệnh mà bệnh có thể được phòng ngừa bằng tiêm chủng xảy ra trong trường học, do học sinh chưa tiêm chủng vì được miễn, học sinh sẽ bị loại trừ không đến trường học trong thời gian dịch bệnh còn kéo dài.

In ra Chứng Nhận Tình Trạng Tiêm Chủng Certificate of Immunization từ hệ thống MyIR là cách tốt nhất để lấy được hồ sơ tiêm chủng của học sinh.

Tạo một tài khoản [MyIR account \(Washington State Dept. of Health\)](#).



Tải và in ra Giấy chứng nhận Tiêm Chủng-Certificate of Immunization

Tháng 6 năm 2021, Cập nhật theo yêu cầu tiêm chủng của Bộ Y Tế Department of Health (DOH):
Tất cả các học sinh nào có ghi danh tại một trường công cộng phải tuân thủ theo các luật tiêm chủng, ngay cả khi tham gia các chương trình học thay thế hoặc của học khu. Bao gồm chương trình học tại nhà, chương trình dạy nghề hoặc kỹ thuật, Running Start, và các chương trình học qua mạng. Tất cả các học sinh phải có Chứng Nhận Tình trạng Tiêm Chủng (Certificate of Immunization Status, CIS) đầy đủ và/hoặc Chứng Nhận Miễn Tiêm Chủng (Certificate of Exemption, COE) trong hồ sơ tại trường để có thể tham dự các buổi học và sinh hoạt của trường.

Phụ Huynh – Con Quý Vị Đã Sẵn Sàng Đi Học Chưa?

Chủng Ngừa Bắt Buộc Cho Năm Học 2023-2024



Hướng dẫn: Để xem cụ thể loại vắc-xin nào yêu cầu bắt buộc cho trường học, hãy tìm lớp của con quý vị ở cột đầu tiên. Nhìn vào hàng ngang tương ứng trên trang để tìm số lượng vắc-xin cần thiết cho con quý vị có thể đến trường.

	Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà	Viêm gan B	Viêm màng não loại B	Sởi, quai bị, rubella	Cộng hợp phế cầu khuẩn	Bại liệt	Thủy đậu
	DTaP/Tdap	Hepatitis B	Hib	MMR	PCV	Polio	Varicella
Nhà Trẻ 19 tháng đến < 4 tuổi vào ngày 01/09/2023	4 liều DTaP	3 liều	3 hoặc 4 liều* (tùy thuộc loại vắc-xin)	1 liều	4 liều*	3 liều	1 liều**
Nhà Trẻ/Chuyển Tiếp Mẫu Giáo ≥ 4 tuổi vào ngày 01/09/2023	5 liều DTaP*	3 liều	3 hoặc 4 liều* (tùy thuộc loại vắc-xin) (Không yêu cầu khi trẻ ≥ 5 tuổi)	2 liều	4 liều* (Không yêu cầu khi trẻ ≥ 5 tuổi)	4 liều*	2 liều**
Mẫu Giáo đến lớp 6	5 liều DTaP*	3 liều	Không yêu cầu	2 liều	Không yêu cầu	4 liều*	2 liều**
Lớp 7 đến lớp 10	5 liều DTaP* Thêm Tdap khi trẻ ≥ 10 tuổi	3 liều	Không yêu cầu	2 liều	Không yêu cầu	4 liều*	2 liều**
Lớp 11 đến lớp 12	5 liều DTaP* Thêm Tdap khi trẻ ≥ 7 tuổi	3 liều	Không yêu cầu	2 liều	Không yêu cầu	4 liều*	2 liều**

*Có thể chấp nhận tiêm liều vắc-xin ít hơn liều được công bố tùy theo thời điểm tiêm. **Xác minh tiền sử mắc bệnh thủy đậu của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng được chấp nhận. Học sinh phải tiêm các liều vắc-xin vào đúng theo khung thời gian để phù hợp với các yêu cầu của nhà trường. Trao đổi với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị hoặc nhân viên trường học nếu quý vị có câu hỏi. Tìm thông tin về các vắc-xin quan trọng khác không yêu cầu đối với trường học tại: www.immunize.org/cdc/schedules.

Để yêu cầu tài liệu này ở định dạng khác, hãy gọi 1-800-525-0127.
Khách hàng khiếm thính hoặc khó nghe, vui lòng gọi 711 (Washington Relay)
hoặc gửi email đến civil.rights@doh.wa.gov.



Certificate of Immunization Status (CIS)

Reviewed by: _____ Date: _____
Signed COE on File? ☐ Yes ☐ No

Vui lòng viết in hoa. Xem mặt sau để được hướng dẫn về cách điền biểu mẫu này hoặc cách in biểu mẫu từ Washington State Immunization Information System (IIS, Hệ Thống Thông Tin Chung Ngừa của Tiểu Bang)

Họ của Trẻ:	Tên:	Chữ Đầu Tên Đệm:	Ngày Sinh (Tháng/Ngày/Năm) :
Tôi cho phép trường/cơ sở chăm sóc trẻ của con em tôi bổ sung thông tin chủng ngừa vào Immunization Information System để giúp nhà trường lưu trữ hồ sơ của con em tôi. Chỉ Dành Cho Diện Nhập Học Kèm Điều Kiện: Tôi xác nhận rằng con em tôi đang theo học tại trường/cơ sở chăm sóc trẻ với diện nhập học kèm điều kiện. Để con em tôi được tiếp tục đi học, tôi phải cung cấp các tài liệu bắt buộc về chủng ngừa trước hạn chót theo quy định. Xem mặt sau để được hướng dẫn về diện nhập học kèm điều kiện.			
X Chữ Ký của Phụ Huynh/Người Giám Hộ		X Bắt buộc phải có Chữ Ký của Phụ Huynh/Người Giám Hộ nếu Bắt Đầu Đi Học với Diện Nhập Học Kèm Điều Kiện	
Ngày		Ngày	

▲ Bắt Buộc Để Đến Trường	Tháng/Ngày/Năm	Tháng/Ngày/Năm	Tháng/Ngày/Năm	Tháng/Ngày/Năm	Tháng/Ngày/Năm	Tháng/Ngày/Năm
● Bắt Buộc Để Đến Cơ Sở Chăm Sóc Trẻ/Trường Mầm Non						
Các Vắc-xin Bắt Buộc Để Nhập Học Vào Trường hoặc Cơ Sở Chăm Sóc Trẻ						
●▲ DTaP (Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà)						
▲ Tdap (Uốn ván, Bạch hầu, Ho gà) (lớp 7 trở lên)						
●▲ DT hoặc Td (Uốn ván, Bạch hầu)						
●▲ Hepatitis B (Viêm gan B)						
● Hib (Viêm màng não loại b)						
●▲ IPV (Bại liệt) (bất kỳ kết hợp nào của IPV/OPV)						
●▲ OPV (Bại liệt)						
●▲ MMR (Sởi, Quai bị, Rubella)						
● PCV/PPSV (Phế cầu khuẩn)						
●▲ Varicella (Thủy đậu) ☐ Tiền sử bệnh được xác minh bởi IIS						
Các Vắc-xin Được Khuyến Nghị (Không Bắt Buộc Để Nhập Học Vào Trường hoặc Cơ Sở Chăm Sóc Trẻ)						
COVID-19						
Cúm (Influenza)						
Hepatitis A (Viêm gan A)						
HPV (Vi-rút gây u nhú ở người)						
MCV/MPSV (Bệnh viêm màng não mô cầu loại A, C, W, Y)						
MenB (Bệnh viêm màng não mô cầu loại B)						
Rotavirus (Vi-rút Rota)						

Documentation of Disease Immunity (Health care provider use only)		
If the child named in this CIS has a history of varicella (chickenpox) disease or can show immunity by blood test (titer), it must be verified by a health care provider.		
I certify that the child named on this CIS has: ☐ A verified history of varicella (chickenpox) disease. ☐ Laboratory evidence of immunity (titer) to disease(s) marked below.		
☐ Diphtheria	☐ Hepatitis A	☐ Hepatitis B
☐ Hib	☐ Measles	☐ Mumps
☐ Rubella	☐ Tetanus	☐ Varicella
☐ Polio (all 3 serotypes must show immunity)		
▶		
Licensed Health Care Provider Signature Date		
▶		
Printed Name		

I certify that the information provided on this form is correct and verifiable.	Health Care Provider or School Official Name: _____ Signature: _____ Date: _____ If verified by school or child care staff the medical immunization records must be attached to this document.
---	---

Hướng dẫn hoàn thành Certificate of Immunization Status (CIS, Giấy Chứng Nhận Tình Trạng Chủng Ngừa): In biểu mẫu từ Immunization Information System (IIS) hoặc điền biểu mẫu bằng tay.

Điền in biểu mẫu có các thông tin chủng ngừa đã được điền:
Hồi liệu văn phòng của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị đã nhập thông tin chủng ngừa vào WA Immunization Information System (cơ quan đăng ký toàn tiểu bang Washington) hay chưa. Nếu họ đã nhập thông tin, hãy yêu cầu họ in CIS từ IIS và thông tin chủng ngừa của con em quý vị sẽ được điền tự động. Quý vị cũng có thể in CIS tại nhà bằng cách đăng ký và đăng nhập vào MyIR tại <https://wa.myir.net>. Nếu nhà cung cấp của quý vị không sử dụng IIS, hãy gửi email đến waiisrecords@doh.wa.gov hoặc gọi cho Department of Health (Sở Y Tế) theo số 1-866-397-0337 để nhận bản sao CIS của con em quý vị.

Điền biểu mẫu bằng tay:
1. Viết in hoa tên và ngày sinh của con em quý vị, sau đó ký tên của quý vị vào nơi được chỉ định ở trang 1.
2. Viết ngày của mỗi liều vắc-xin đã tiêm vào các cột date (ngày) (dưới dạng Tháng/Ngày/Năm). Nếu con em quý vị được tiêm một loại vắc-xin kết hợp (một mũi tiêm bảo vệ chống lại nhiều bệnh), hãy sử dụng Reference Guides (Hướng Dẫn Tham Khảo) dưới đây để ghi lại từng loại vắc-xin một cách chính xác. Ví dụ, ghi Pediarix dưới Bạch hầu, Uốn ván, Ho gà là DTaP, Viêm gan B là Hep B, và Bại liệt là IPV.
3. Nếu con em quý vị đã bị bệnh thủy đậu (varicella) và chưa tiêm vắc-xin thủy đậu, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phải đưa ra xác nhận về bệnh thủy đậu để đáp ứng yêu cầu của trường.
 ☐ Nếu nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị có thể xác nhận rằng con em quý vị đã bị thủy đậu, hãy yêu cầu nhà cung cấp của quý vị đánh dấu vào ô trong phần Documentation of Disease Immunity (Tài Liệu về Khả Năng Miễn Dịch) và ký tên vào biểu mẫu.
 ☐ Nếu nhân viên nhà trường truy cập vào IIS và thấy có xác nhận về việc con em quý vị đã bị thủy đậu, họ sẽ đánh dấu vào ô dưới chữ Varicella trong mục vắc-xin.
4. Nếu con em quý vị có thể cho thấy khả năng miễn dịch thông qua xét nghiệm máu (hiệu giá), hãy yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của quý vị đánh dấu vào các ô bệnh thích hợp trong phần Documentation of Disease Immunity, đồng thời ký tên và ghi ngày vào biểu mẫu. Quý vị phải cung cấp các báo cáo xét nghiệm cùng với CIS này.
5. Cung cấp bằng chứng của các hồ sơ đã được xác nhận y tế theo hướng dẫn dưới đây.

Các Hồ Sơ Y Tế Được Chấp Nhận
Tất cả các hồ sơ tiêm vắc-xin phải được xác nhận y tế. Các ví dụ bao gồm:

- Biểu mẫu Certificate of Immunization Status (CIS) được in cùng với ngày tiêm vắc xin từ Washington State Immunization Information System (IIS), MyIR, hoặc IIS của một tiểu bang khác.
- Bản sao CIS trên giấy có đầy đủ thông tin với chữ ký xác nhận của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
- Bản sao CIS trên giấy có đầy đủ thông tin cùng với các hồ sơ tiêm vắc-xin đính kèm được in từ hồ sơ y tế điện tử của một nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có chữ ký hoặc con dấu của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Cán bộ quản lý nhà trường, y tá hoặc người được chỉ định phải xác nhận rằng ngày trên CIS đã được sao chép chính xác, đồng thời ký tên vào biểu mẫu.

Diện Nhập Học Kèm Điều Kiện
Trẻ có thể nhập học và ở lại trường hoặc cơ sở chăm sóc trẻ theo diện nhập học kèm điều kiện nếu các em đang chờ tiêm những loại vắc-xin bắt buộc để nhập học vào trường hoặc cơ sở chăm sóc trẻ. (Các liều vắc-xin được tiêm trong những quãng thời gian cách nhau tối thiểu, vì vậy một số trẻ có thể phải đợi một thời gian để hoàn thành việc tiêm vắc-xin của mình. Điều này có nghĩa là các em có thể nhập học trong khi chờ tiêm liều vắc-xin bắt buộc tiếp theo). Để nhập học vào trường hoặc cơ sở chăm sóc trẻ theo diện nhập học kèm điều kiện, trẻ phải được tiêm tất cả các liều vắc-xin mà em hội đủ điều kiện nhận trước khi bắt đầu đi học tại trường hoặc các cơ sở chăm sóc trẻ.

Học sinh trong diện nhập học kèm điều kiện có thể ở lại trường trong thời gian chờ đến ngày tiêm vắc-xin hợp lệ tối thiểu cho liều vắc-xin tiếp theo, cộng với 30 ngày để cung cấp tài liệu tiêm vắc-xin. Nếu học sinh đang chờ tiêm nhiều loại vắc-xin, diện nhập học kèm điều kiện vẫn sẽ giữ nguyên theo cách thức tương tự cho đến khi học sinh hoàn thành việc tiêm chủng tất cả các vắc-xin bắt buộc.

Theo Revised Code of Washington (RCW, Bộ Luật Sửa Đổi của Washington) 28A.210.120, nếu thời hạn nhập học kèm điều kiện 30 ngày đã qua và tài liệu không được cung cấp cho trường hoặc cơ sở chăm sóc trẻ, thì học sinh sẽ không được tham dự các buổi học tiếp theo. Tài liệu hợp lệ bao gồm bằng chứng về khả năng miễn dịch với bệnh đang có nghi ngờ, các hồ sơ y tế chứng nhận đã tiêm vắc-xin hoặc certificate of exemption (COE, biểu mẫu chứng nhận miễn trừ) có đầy đủ thông tin.

Reference guide for vaccine trade names in alphabetical order For updated list, visit <https://www.cdc.gov/vaccines/terms/usvaccines.html>

Trade Name	Vaccine	Trade Name	Vaccine	Trade Name	Vaccine	Trade Name	Vaccine	Trade Name	Vaccine
ActHIB	Hib	Fluarix	Flu	Havrix	Hep A	Menveo	Meningococcal	Rotarix	Rotavirus (RV1)
Adacel	Tdap	Flucelvax	Flu	Hiberix	Hib	Pediarix	DTaP + Hep B + IPV	RotaTeq	Rotavirus (PV5)
Afluria	Flu	FluLaval	Flu	HibTITER	Hib	PedvaxHIB	Hib	Tenivac	Td
Bexsero	MenB	FluMist	Flu	Ipol	IPV	Pentacel	DTaP + Hib +IPV	Trumenba	MenB
Boostrix	Tdap	Fluvirin	Flu	Infanrix	DTaP	Pneumovax	PPSV	Twinrix	Hep A + Hep B
Cervarix	2vHPV	Fluzone	Flu	Kinrix	DTaP + IPV	Prevnar	PCV	Vaqta	Hep A
Daptacel	DTaP	Gardasil	4vHPV	Menactra	MCV or MCV4	ProQuad	MMR + Varicella	Varivax	Varicella
Engerix-B	Hep B	Gardasil 9	9vHPV	Menomune	MPSV4	Recombivax HB	Hep B		